TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 12-01-2021
V/v "Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hàng Lâm Viên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Được

Bà Trần Thị Dịu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung; Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2020/HNGĐ-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1983, có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lê Ngọc V, sinh năm 1986, vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, vắng mặt tại phiên tòa.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 3, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Phạm Thị H2, sinh năm 1986, vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1987, có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị H2 và anh Nguyễn Trung K: Ông Lê Thành K1, sinh năm 1966, có mặt tại phiên tòa.

3.3. Ngân hàng N;

Địa chỉ: Đường L, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Quang S – Giám đốc chi nhánh N huyện N. Ông Hoàng Quang S ủy quyền cho bà Hồ Thị Thảo L – Phó giám đốc chi nhánh N huyện N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H2.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H1 trình bày:

Chị và anh Lê Ngọc V tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc, nhưng về sau do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và ngày càng trầm trọng. Hiện nay, chị và anh V đã không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, chị xin được ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 02 người con chung là cháu Lê Hoài N, sinh ngày 04/02/2013 và cháu Lê Nguyễn Tùng D, sinh ngày 24/6/2018. Khi ly hôn, chị xin

được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu D, chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có 01 thửa đất diện tích 203,4m^2 tọa lạc tại khu phố 6, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CM453798 vào ngày 30/01/2018. Sau đó, anh V đã tự ý chuyển nhượng thửa đất trên cho chị Phạm Thị H2, nhưng không được sự đồng ý của chị. Vì vậy, chị yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh V và chị Phạm Thị H2 và hủy điều chỉnh biến động đất đai cho chị Phạm Thị H2 ngày 14/5/2019 trên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CM 453798 và số vào sổ cấp GCN: CS27183 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 30/01/2018 cho anh Lê Ngọc V. Chị yêu cầu chia tài sản bằng hiện vật theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Ngọc V trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H1 về quan hệ hôn nhân và anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H1.

Về con chung: Có 02 người con chung là cháu Lê Hoài N, sinh ngày 04/02/2013 và cháu Lê Nguyễn Tùng D, sinh ngày 24/6/2018. Khi ly hôn, anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, cháu N. Anh không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, anh đang làm nhân viên tại trường Dân tộc nội trú huyện N, tỉnh Ninh Thuận, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H1 về nguồn gốc tài sản chung. Nhưng hiện anh đã chuyển nhượng thửa đất trên cho chị Phạm Thị H2 với giá là 300.000.000 đồng, khi chuyển nhượng anh không thông báo cho chị H1 (vợ anh) biết. Anh đã nhận đủ số tiền này và đã sử dụng, chi tiêu cho cá nhân anh. Nay chị H1 yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh và chị Phạm Thị H2 và hủy điều chỉnh biến động đất đai cho chị Phạm Thị H2 ngày 14/5/2019, trên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CM 453798 và số vào sổ cấp GCN: CS27183 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp cho anh vào ngày 30/01/2018 và yêu cầu chia tài sản chung bằng hiện vật, anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý giao lại cho chị Thanh H1 số tiền là 150.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Chị Phạm Thị H2, anh Nguyễn Trung K trình bày:

Vào ngày 04/5/2019, vợ chồng anh chị có nhận chuyển nhượng của anh Lê Ngọc V thửa đất số 243, tờ bản đồ số 7.4, tọa lạc tại khu phố 6, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận với số tiền 300.000.000 đồng và anh chị đã giao đủ số tiền này cho anh V. Sau khi nhận chuyển nhượng, anh chị đã xây dựng nhà trên đất và ở ổn định cho đến nay. Nay chị H1 và anh V có tranh chấp thửa đất trên, anh chị đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết.

- Đại diện Ngân hàng xin vắng mặt nhưng đã trình bày:

Ngày 16/9/2019, Ngân hàng có làm đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với anh Lê Ngọc V. Nhưng do đã tự thỏa thuận được, nên Ngân hàng xin rút đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2020/HNGĐ-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Áp dụng Điều 51, 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 157, 158, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H1 và anh Lê Ngọc V được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Giao hai cháu là Lê Hoài N, sinh ngày 04/02/2013 và cháu Lê Nguyễn Tùng D, sinh ngày 24/6/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Thanh H1 không yêu cầu anh Lê Ngọc V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Giao cho anh Lê Ngọc V được quyền sử dụng số tiền chuyển nhượng Quyền sử dụng đất là 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* (hiện anh V đang quản lý) và có trách nhiệm hoàn lại số tiền chia tài sản cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 là 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng).*

Chị Phạm Thị H2, anh Nguyễn Trung K có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền phát sinh chênh lệch giá trị thửa đất là 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)*.

Giao cho chị Phạm Thị H2, anh Nguyễn Trung K được quyền sử dụng thửa đất số 243 tờ bản đồ địa chính 7,4 có diện tích là 203,4m^2 và được sở hữu tài sản trên đất: 01 căn nhà cấp 4A, diện tích 73,4 m²; tường rào xây gạch, trụ gạch có song sắt, chiều dài 6,6m, chiều cao 02m, có diện tích 13,2m^2; tường rào xây gạch có chiều dài 9,8m, chiều cao 02m, có diện tích 19,6m^2; trụ cổng khối bê tông cốt thép có tổng khối lượng 0,24m^3; sân nền xi măng, có diện tích là 83,67m^2 tọa lạc tại khu phố 6, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Có vị trí tứ cận: Bắc giáp đường Lý Thái Tổ, Nam giáp thửa đất số 244, Đông giáp thửa đất 211, Tây giáp các thửa đất số 43, 58 (Kèm theo là bản trích sao hồ sơ địa chính lập ngày 16/4/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện N, tinh Ninh Thuận).

Đình chỉ giải quyết về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N với anh Lê Ngọc V. Ngân hàng N có quyền khởi kiện lại, nếu còn trong thời hiệu khởi kiện.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Theo đơn kháng cáo đề ngày 11/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H2 kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2020/HNGĐ-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Chị H1 yêu cầu Tòa án tỉnh Ninh Thuận xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm theo hướng sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2020/HNGĐ-ST ngày 30/7/2020. Chị H1 không đồng ý giao thêm số tiền phát sinh chênh lệch giá trị thửa đất là 100.000.000đ cho chị Nguyễn Thị Thanh H1.

Theo Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận kháng nghị một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2020/HNGĐ-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện N. Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án, buộc anh Lê Ngọc V phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 ½ giá trị lô đất là 250.000.000đ. Chị Phạm Thị H2, anh Nguyễn Trung K không phải trả cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền phát sinh chênh lệch giá trị thửa đất là 100.000.000đ và không phải nộp khoản án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của chị Phạm Thị H2 và chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N theo hướng không buộc vợ chồng chị Phạm Thị H2, anh Nguyễn Trung K phải liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất là 100.000.000đ, đồng thời không buộc họ phải chịu án phí đối với số tiền này vì chị Phạm Thị H2, anh Nguyễn Trung K nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngay tình, không có lỗi nên không phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Anh Lê Ngọc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện hợp pháp của Ngân hàng N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Chị Phạm Thị H2, anh Nguyễn Trung K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản trong vụ án hôn nhân và gia đình; chị Phạm Thị H2 kháng cáo về phần tài sản nên chị Phạm Thị H2 và anh Nguyễn Trung K cùng ủy quyền cho ông Lê Thành K1 trong phạm vi về phần tài sản được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.3] Nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh H1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị H2 (người kháng cáo) giữ nguyên nội dung kháng cáo; Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận việc giải quyết vụ án.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị H2 tranh luận:

[2.1] Quyền sử dụng đất của vợ chồng anh Lê Ngọc V, chị Nguyễn Thị Thanh H1 khi chuyển nhượng cho vợ chồng anh Nguyễn Trung K, chị Phạm Thị H2 (vợ chồng anh K) tuy trên giấy tờ chuyển nhượng chỉ một mình anh V thực hiện nhưng chị Nguyễn Thị Thanh H1 biết, không phản đối và chỉ yêu cầu anh V hoàn trả cho chị số tiền 170.000.000đ để chị trả nợ ngân hàng. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vợ chồng anh K xây dựng nhà, công trình trên đất không bị phản đối hoặc tranh chấp và họ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng anh K phải chịu một phần lỗi và phải bồi thường số tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất là 100.000.000đ đồng thời buộc phải chịu án phí dân sự đối với việc thực hiện nghĩa vụ này gây thiệt hại đến quyền lợi của vợ chồng anh K.

[3] Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy

[3.1] Tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng minh thời điểm tháng 5 năm 2019, anh Lê Ngọc V chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 243, tờ bản đồ 7.4, diện tích 203,4m^2 tọa lạc tại khu phố 6, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Thửa đất số 243) thì chị Nguyễn Thị Thanh H1 biết, không phản đối. Anh Lê Ngọc V sử dụng riêng số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 300.000.000đ. Khi Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị Thanh H1 yêu cầu chia giá trị tài sản chung là quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm thành lập hội đồng định giá giá trị quyền sử dụng đất là 500.000.000đ, các đương sự nhất trí kết quả này.

[3.2] Như vậy, về ý thức và ý chí thì chị Nguyễn Thị Thanh H1 nhất trí việc anh Lê Ngọc V chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh K; Vợ chồng anh K đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ, đã xây dựng nhà và vật kiến trúc trên đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vợ chồng anh K được quyền sử dụng thửa đất số 243 nghĩa là đã công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm lập luận và tuyên vợ chồng anh K phải liên đới thực hiện phần nghĩa vụ và phải bồi thường thiệt hại tương ứng với số tiền 100.000.000đ cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 là mâu thuẫn với lập luận nêu trên. (Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền chênh lệch giá đất tại thời điểm xét xử trừ đi giá đất tại thời điểm anh V chuyển nhượng là 200.000.000đ và xác định anh V chịu lỗi tương ứng 100.000.000đ; vợ chồng anh K, chị H1 chịu lỗi tương ứng 100.000.000đ). Do đó, cần phải xác định anh Lê Ngọc V là người định đoạt tài sản gây thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 nên anh V phải có nghĩa vụ chia giá trị tài sản chung cho chị H1 250.000.000đ mới đúng với quy định của pháp luật.

[3.3] Vì bản án sơ thẩm xác định sai nghĩa vụ của vợ chồng anh K dẫn đến buộc họ phải chịu án phí đối với số tiền 100.000.000đ. Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên sửa cả phần án phí sơ thẩm.

[3.4] Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N; Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Phạm Thị H2, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí

- Anh Lê Ngọc V, chị Nguyễn Thị Thanh H1 mỗi người được chia tài sản chung trị giá 250.000.000đ nên mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm là 12.500.000đ. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

- Kháng cáo của chị Phạm Thị H2 được chấp nhận nên chị H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 308 khoản 2, Điều 309; Điều 147 khoản 2; Các Điều 157, 158, 217, Điều 227 khoản 2, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 56, 58, 59, Điều 62 khoản 2 điểm d, Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 213 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N và chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Phạm Thị H2; Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2020/HNGĐ-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện N.

2. Quan hệ hôn nhân và con chung:

2.1. Chị Nguyễn Thị Thanh H1 được ly hôn anh Lê Ngọc V.

2.2. Chị Nguyễn Thị Thanh H1 được quyền nuôi hai con chung là Lê Hoài N, sinh ngày 04/02/2013 và Lê Nguyễn Tùng D, sinh ngày 24/6/2018; Hai con chung hiện nay đang được chị Nguyễn Thị Thanh H1 nuôi dưỡng. Anh Lê Ngọc V không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung:

3.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Lê Ngọc V với vợ chồng anh Nguyễn Trung K, chị Phạm Thị H2 đối với thửa đất số 243 tờ bản đồ địa chính số 7.4, diện tích 203,4m^2. Vợ chồng anh Nguyễn Trung K, chị Phạm Thị H2 được quyền sử dụng thửa đất số 243 tờ bản đồ địa chính số 7.4, diện tích 203,4m^2 tọa lạc tại khu phố 6,thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Vợ

chồng anh Nguyễn Trung K, chị Phạm Thị H2 là người đang sử dụng thửa đất, các tài sản trên đất thuộc sở hữu của vợ chồng anh Nguyễn Trung K, chị Phạm Thị H2 (tài sản không có tranh chấp). Vị trí thửa đất được xác định theo trích sao đính kèm bản án sơ thẩm.

3.2. Anh Lê Ngọc V và chị Nguyễn Thị Thanh H1 được chia giá trị quyền sử dụng đất chung, mỗi người được nhận 250.000.000đ.Anh Lê Ngọc V phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 ½ giá trị quyền sử dụng đất thuộc tài sản chung là 250.000.000đ. Anh Lê Ngọc V đã nhận phần giá trị tài sản chung khi anh chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh Nguyễn Trung K, chị Phạm Thị H2.

4. Anh Lê Ngọc V phải có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng anh Nguyễn Trung K, chị Phạm Thị H2 1.000.000đ chi phí thẩm định, định giá tài sản sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm:

- Anh Lê Ngọc V phải chịu 12.500.000đ án phí chia tài sản chung.

- Chị Nguyễn Thị Thanh H1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 12.500.000đ án phí chia tài sản chung, tổng cộng 12.800.000đ được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018808 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N và 7.500.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018833 ngày 04/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Chị Nguyễn Thị Thanh H1 còn phải nộp 5.000.000đ án phí.

5.2. Án phí phúc thẩm: Chị Phạm Thị H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được hoàn trả 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022405 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

6. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của Ngân hàng N đối với anh Lê Ngọc V. Ngân hàng N được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng N (chi nhánh huyện N) 3.330.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018842 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 11/01/2021)./.

Nơi nhận:
- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hàng Lâm Viên